

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HC-PT
Ngày 24 tháng 02 năm 2023
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 711/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2022 “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2022/HC-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2023/QĐPT-HC ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Văn B, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 261 đường B, khu phố 2, Phường 1, thị xã K, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1954. Địa chỉ: 6B/22 T, Phường 27, quận B, Thành phố H (có mặt)

- Bà Trương Minh T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 59 quốc lộ 62, khu phố 1, Phường 3, thị xã K, tỉnh L (có mặt)

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L là ông Trần Hữu H – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh L (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Trần Văn B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2021 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa có nội dung:

Ngày 10/11/2020, ông B nhận được Quyết định số 5276/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L. Quyết định này là quyết định trái pháp luật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông B. Cụ thể như sau:

Nguyên trước đây mẹ ông B được thừa kế 09 ha đất nông nghiệp là đất hương hỏa của ông bà để lại cho con cháu tọa lạc tại khu vực Gò Sỏi (nay là ấp Rạch Mây, xã T) huyện V, tỉnh L. Trong quá trình sử dụng mẹ ông B đã đăng ký vào sổ mục kê số 285 của Tòa hành chính, quận Châu Thành, tỉnh K (chế độ cũ) nay thuộc tờ bản đồ số 2, xã T, huyện V, tỉnh L. Đến năm 1982 bị chính quyền xã T đưa vào tập đoàn 8, cho là đất xâm canh không cấp đất theo bình quân nhân khẩu cho gia đình ông B mà cấp cho các hộ khác.

Do cách hiểu sai về thuật ngữ “xâm canh” gây hậu quả khiếu kiện gay gắt kéo dài. Năm 1988 – 1989 Đảng và Nhà nước ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để chỉnh đốn, sửa sai cấp bách về việc đưa đất nông nghiệp vào tập đoàn. Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh L cũng ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cấp thi hành sửa sai khẩn cấp.

Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban bí thư, các văn bản chỉ đạo sửa sai của HDBT, quyết định số 1284/QĐ-UB.89 ngày 23/8/1989 và quyết định số 4554/QĐ-UB ngày 15/8/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh L khẳng định “Nông dân trong tỉnh trực tiếp canh tác đất trong tỉnh thì không gọi là xâm canh, nếu trước đây cất đất rồi mà gia đình họ thật sự khó khăn thì giải quyết giao lại đất cho người bị cất hoặc giao đất mới cho họ hoặc tổ chức cho chủ cũ và chủ mới thỏa thuận bồi hoàn thành quả lao động”.

Sau khi có văn bản sửa sai, ngày 29/01/1996 phòng địa chính huyện V (nay là phòng tài nguyên và môi trường) có công văn gửi Ủy ban nhân dân xã T như sau: Tuy nhiên hoàn cảnh gia đình bà K gặp khó khăn, do đó Ủy ban nhân dân xã có thể xem xét hỗ trợ làm trung gian cho chủ cũ và chủ mới thỏa thuận với nhau. Kết quả thỏa thuận giữa 02 bên là cơ sở để Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Thế nhưng Ủy ban nhân dân xã T không hỗ trợ làm trung gian tổ chức thương lượng đền bù thiệt hại cho gia đình ông B, đề 01 số hộ chuyển nhượng trái pháp luật. Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu gia đình ông B phải tự thương lượng với các hộ đang sử dụng đất của gia đình ông B là điều gia đình ông B không thể thực hiện được vì những người sử dụng đất của gia đình ông B không chịu thương lượng với gia đình ông B.

Năm 2000, mẹ ông B là bà Nguyễn Thị K chết. Ngày 20/6/2005, các con của bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn B ủy quyền cho vợ chồng ông B là Trương Minh T và Trần Văn B thực hiện quyền khiếu nại toàn bộ khối tài sản chung. Tuy nhiên, nhiều lần Ủy ban nhân dân huyện đã thụ lý rồi lại thu hồi quyết định với lý do là không đúng đối tượng khiếu nại.

Mặc dù đã có các văn bản chỉ đạo sửa đổi qua các thời kỳ nhưng nhiều đời chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V không kiểm tra thực tế. Do không thể tự thương lượng với các hộ, ông B đã liên tục nhiều năm làm đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân xã và huyện hỗ trợ nhưng không được giải quyết. Ngày 06/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V tiếp tục ban hành Quyết định số 5276/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông B là xâm hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của gia đình ông B.

Tại Văn bản số 1187/UBND-VP ngày 25 tháng 3 năm 2022 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L có nội dung như sau:

Hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn B, quá trình giải quyết gồm:

Ủy ban nhân dân huyện nhận được đơn yêu cầu của bà Trương Minh T do ban tiếp công dân chuyển đến.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 về việc thụ lý hồ sơ khiếu nại đất đai. Đồng thời ra thông B số 23/TB-UBND ngày 13/3/2017 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Trương Minh T.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V có B cáo số 73/BC-PTNMT ngày 17/4/2017 về việc kết quả xác minh trường hợp khiếu nại của bà Trương Minh T đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh L.

Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trương Minh T.

Do Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc khiếu nại của bà Trương Minh T không đúng đối tượng khiếu nại nên Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 về việc thu hồi quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại của bà Trương Minh T.

Sau khi thu hồi Quyết định số 1038/QĐ-UBND, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V xác định đối tượng khiếu nại theo biên bản số 1000/BB-TNMT ngày 22/10/2020 về việc xác định đối tượng khiếu nại.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V có B cáo số 1075/BC-TNMT ngày 22/10/2020 về việc kết quả giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn B đất tọa lạc tại xã T, huyện V.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 5276/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn B, Phường 1, thị xã K, tỉnh L.

Tại văn bản số 2929/UBND-VP ngày 05/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V trình bày: Việc giải quyết khiếu nại đòi lại đất của ông Trần Văn B, UBND huyện V căn cứ vào khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003, khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013; điểm 12 mục B của quy định kèm theo quyết định số 1284/UB.QĐ.89 của UBND tỉnh L ban hành quy định về việc giải quyết tranh chấp ruộng đất trong nông dân trên địa bàn tỉnh L; điểm 15, mục II của quy định giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh L, kèm theo quyết định số 4554/QĐ.UB ngày 15/8/1995 của UBND tỉnh L. Mặt khác, việc giải quyết đơn đòi lại đất cũ của bà Nguyễn Thị K (mẹ ruột ông Trần Văn B) đã được UBND xã T, huyện V giải quyết ngày 09/12/1995.

Tại Bản án số 71/2022/HC-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 32 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 1993;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5276/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/7/2022, người khởi kiện ông Trần Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Mạnh H và bà Trương Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5276/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L; Với các lý do: Cấp sơ thẩm không căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dẫn đến nhận định

không đúng sự thật và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm; Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003, khoản 5 Điều 226 Luật đất đai năm 2013, điểm 12 mục B của quy định kèm theo Quyết định số 1284/UB.QĐ.89 của UBND tỉnh L để bác yêu cầu của ông B là áp dụng sai pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L ông Trần Văn Cường có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Trần Hữu H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, Luật đất đai năm 1993, 2003 và 2013 đều thống nhất quy định nguyên tắc Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước. Do vậy, yêu cầu đòi lại 09 ha đất tại xã T, huyện V của ông Trần Văn B là không có căn cứ. Khiếu nại của ông B, bà T đã được giải quyết dứt điểm từ năm 1995. Quyết định số 5276/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện V ban hành đúng trình tự, thủ tục, nội dung giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn B là có căn cứ. Bản án sơ thẩm tuyên xử có căn cứ và đúng pháp luật.

Ông Trần Văn B kháng cáo nhưng không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác kháng cáo của ông Trần Văn B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn B, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Tại phiên tòa phúc thẩm*, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử

vắng mặt. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] *Về đối tượng khởi kiện:* Ông Trần Văn B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5276/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L, là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.3] *Về thời hiệu khởi kiện:*

Ông Trần Văn B nhận Quyết định số 5276/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 vào ngày 10/11/2020, đến ngày 11/10/2021 ông B nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 5276/QĐ-UBND tại Tòa án là trong thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.4] *Về thẩm quyền giải quyết:* Tòa án nhân dân tỉnh L thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[1.5] *Về thời hạn kháng cáo:* Ngày 13/7/2022, ông Trần Văn B kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2022/HC-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của quyết định bị khởi kiện.

[2.1] *Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành*

Ông Trần Văn B khiếu nại đòi lại diện tích 09 ha đất nông nghiệp tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh L với lý do diện tích đất trên được đưa vào tập đoàn năm 1982, sau khi tập đoàn giải thể nhà nước không trả lại đất cho gia đình ông B mà giao lại cho người khác sử dụng đến nay. Ngày 06/11/2020, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 5276/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại cho ông Trần Văn B, là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 14 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 18, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] *Về nội dung*

[2.2.1] *Xét nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất:*

Ông Trần Văn B cho rằng: 09 ha đất tọa lạc tại khu vực Gò Sỏi (nay là ấp Rạch Mây, xã T) mà ông B yêu cầu trả lại, có nguồn gốc của ông bà ngoại để lại cho mẹ ông B là bà Nguyễn Thị K (chết năm 2000). Bà K canh tác, sản xuất lúa 01 vụ cho đến năm 1982 thì bị Nhà nước đưa vào Tập đoàn 8 xã T. Sau khi tập đoàn giải thể, Nhà nước không trả lại 09 ha đất cho gia đình ông B mà giao cho những hộ gia đình khác sử dụng.

Như vậy, có cơ sở xác định 09 ha đất tọa lạc tại khu vực Gò Sỏi (nay là ấp Rạch Mây, xã T) mà ông B khiếu nại đã được Nhà nước giao cho người khác sử

dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai từ năm 1982 (trước ngày 01/7/1991).

[2.2.2] Quy định của pháp luật về các trường hợp đòi lại nhà đất đã bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai:

Tại khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013 đều quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo qui định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cánh mạng lâm thời Cộng hòa miền nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Đồng thời, theo Điều 1 nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội quy định về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 cũng quy định: “Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01/7/1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất”.

Vào năm 1995, bà Nguyễn Thị K là mẹ của ông B có khiếu nại đòi lại 09 ha đất tọa lạc tại xã T, huyện V. Ngày 09/11/1995, UBND xã T có quyết định giải quyết khiếu nại căn cứ vào Quyết định số 4554/QĐ.UB ngày 15/8/1995 của UBND tỉnh L, qua đó không giải quyết đơn khiếu nại xin lại đất của bà K và trả lại đơn khiếu nại cho bà K.

Đồng thời, đến năm 2008, bà Trương Minh T (đại diện cho ông B) cũng có đơn khiếu nại đòi lại 09 ha đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp Rạch Mây, xã T, huyện V nêu trên. Ngày 26/11/2008, UBND huyện V đã ban hành Công văn số 1450/UBND-TD trả lời cho bà T với nội dung việc khiếu nại của bà T là không có căn cứ pháp luật để xem xét.

Mặt khác, vào ngày 04/9/2015, tại buổi làm việc giữa bà T với Thanh tra Chính phủ và UBND tỉnh L đã có kết luận nội dung: đối với 09 ha đất nông nghiệp đã đưa vào tập đoàn sản xuất sẽ không trả lại đất cũng như không bồi hoàn theo quy định của Luật Đất đai. Nếu gia đình ông B, bà T có khó khăn thì chính quyền địa phương sẽ giải quyết hỗ trợ an sinh xã hội theo điều kiện của địa phương.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và các cấp chính quyền địa phương huyện V đã áp dụng đầy đủ quy định của pháp luật về các trường hợp đòi lại nhà đất đã bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai để quyết định bác yêu cầu đòi lại đất của gia đình ông Trần Văn B, là có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Trần Văn B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của Người khởi kiện ông Trần Văn B; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 5276/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000477 ngày 15/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh L.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh